

Bản án số: 32/2019/HS- PT

Ngày: 01/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khánh Hồng

Các thẩm phán: 1. Bà Trần Thị Nhài

2. Bà Lê Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Sơn- Kiểm sát viên.

Từ ngày 25 tháng 02 đến ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 198/2018/TLPT-HS ngày 04/12/2018 do có kháng cáo của hai bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 389/2018/HS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

-Các bị cáo có kháng cáo:

1.Bị cáo Lương Quốc H (tên gọi khác: không); sinh ngày 27/01/1966 tại Hưng Yên; ĐKKHKT: Tổ 18, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 10/10; Nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã đình chỉ sinh hoạt đảng. Con ông: Lương Đức H1, đã chết. Con bà: Lý Thị H2, sinh năm 1937. Gia đình có 11 anh, chị em, bị cáo là thứ bảy; có vợ là An Thị Thu H3, sinh năm 1973; có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, không bị giam, giữ (có mặt tại phiên tòa)

2. Bị cáo Võ Viết T1,(tên gọi khác: không);sinh ngày 14/10/1974 tại Hà Tĩnh; ĐKKHKT: Tổ 14, phường QV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Văn hóa: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên là Kế toán UBND phường Tân Long, hiện đang bị tạm đình chỉ công tác từ ngày 07/02/2017. Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã đình chỉ sinh hoạt. Con ông: Võ Đức D, sinh năm: 1952; Con bà: Phạm Thị T2, sinh năm 1951; Gia đình có 5 anh, em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1980; có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, không bị giam, giữ (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo T1 (Do bị cáo mời) gồm có 3 luật sư: Ông Nguyễn Công Quang và ông Lê Quang Nam là các luật sư thuộc văn phòng luật sư An Toàn, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên ; Ông Nguyễn Ngọc Thụy là luật sư thuộc văn phòng luật sư Thụy Hoàng, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

Ngoài ra còn có bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị: **Đỗ Văn T3**, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1964; ĐKKHKT: Tổ 40, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ 25, phường QT4, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa)

Bị hại không kháng cáo (án sơ thẩm xác định là nguyên đơn dân sự):

Ủy ban nhân dân phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức H4- Chức vụ: Chủ tịch (có mặt sáng 25/2/2019 và sáng ngày 01/3/2019).

Người có nghĩa vụ liên quan không kháng cáo :

1. Anh Nguyễn Việt B, sinh năm 1975 (Vắng mặt tại phiên tòa);

Trú tại Tổ 3, phường TL, thành phố Thái Nguyên

2. Ông Lê Hữu T5, sinh năm 1962 (có mặt tại phiên tòa)

Trú tại : Tổ 9, phường PĐP, thành phố Thái Nguyên

3. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 (có mặt tại phiên tòa) ;

Trú tại : Tổ 18, phường T7T8, thành phố Thái Nguyên.

4. Chị Nguyễn Thị T6, sinh năm 1989 (có mặt tại phiên tòa) ;

Trú tại : Tổ 12, phường PĐP, thành phố Thái Nguyên.

Giám định viên tư pháp- Sở tài chính Thái Nguyên:

Bà Lý Thu H3 ; Giám định viên tư pháp sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

Bà Hà Bích H4 ; Trần Thị H4 ; Phùng Thị Thủy – Giám định viên tư pháp sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (có mặt sáng 25/2/2019);

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Huy L, sinh năm 1964 (Vắng mặt) ;

Cán bộ phòng Tài chính, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1961 (Vắng mặt) ;

Nguyên Phó phòng Tài chính, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Lê Văn H5, sinh năm 1973 (vắng mặt) ;

Trú tại : Tổ 17, phường TL, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Theo Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/11/2012 và Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên về việc phê chuẩn kết quả bầu cử chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TL, nhiệm kỳ 2011 - 2016 và 2016- 2021: Phê chuẩn kết quả bầu cử Lương Quốc H, giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Thái Nguyên nhiệm kỳ 2011-2016 và nhiệm kỳ 2016-2021. Theo Thông báo số 06/TB-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân phường TL, Lương Quốc H phụ trách chung mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân phường và trực tiếp phụ trách các lĩnh vực nội chính, tổ chức cán bộ, tài chính, quy hoạch – xây dựng tái định cư, cải cách hành chính, văn phòng và bộ phận một cửa, thi đua khen thưởng,

công tác hội đồng tư vấn thuế, chuyển nhượng và cấp chuyển nhượng đất, chỉ đạo Công an, Ban bảo vệ dân phố, Quân sự.

Theo Quyết định số 11987/QĐ – UBND ngày 31/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên, về việc: Tuyển dụng và bổ nhiệm Võ Viết T1 vào ngạch công chức, đảm nhiệm chức danh tài chính – kế toán phường TL, thành phố Thái Nguyên từ ngày 01/11/2012.

Trong thời gian Lương Quốc H là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TL và Võ Viết T1 là kế toán Ủy ban nhân dân phường TL, Ủy ban nhân dân phường TL có một số diện tích đất công nằm trong diện bị nhà nước thu hồi để bàn giao cho Công ty cổ phần than Khánh Hòa và Công ty TNHH thương mại Phúc Thắng thực hiện dự án, nên hai công ty trên đã chi trả tiền bồi thường đất công cho Ủy ban nhân dân phường TL thành nhiều đợt từ ngày 04/12/2012 đến ngày 04/7/2016 với tổng số tiền là 3.065.663.000 đồng. Trong số đó có: 212.612.408 đồng là tiền chi trả cho các hộ dân canh tác trên đất công bị thu hồi. Số tiền còn lại: 2.853.050.592 đồng được tính là nguồn thu bồi thường đất công của Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Thái Nguyên.

Ngoài ra, tháng 01/2013, Ủy ban nhân dân phường TL thu của nhân dân đóng góp làm đường bê tông được tổng số tiền là 149.000.000 đồng.

Tổng thu từ nguồn bồi thường đất công và thu nhân dân đóng góp làm đường bê tông của Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Thái Nguyên từ năm 2012 đến năm 2016 là: 3.002.050.592 đồng.

Số tiền thu từ hai nguồn nêu trên, Ủy ban nhân dân phường TL do Lương Quốc H là Chủ tịch và Võ Viết T1 là kế toán đã quản lý, sử dụng như sau:

Nộp vào ngân sách nhà nước từ ngày 03/01/2013 đến ngày 04/7/2016 (nộp thành nhiều đợt) với tổng số tiền là: 2.349.550.000 đồng. Còn lại 652.500.592 đồng là số tiền không nộp vào Ngân sách nhà nước.

Số tiền đã nộp vào Ngân sách Nhà nước đã được sử dụng:

- Thanh toán qua kho bạc chi phí đầu tư xây dựng cơ bản các công trình, dự án do Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Thái Nguyên là chủ đầu tư với tổng số tiền là: 2.036.869.000 đồng. Cụ thể:

- + Công trình đường bê tông xi măng tổ 11, 17, 18, 20 phường TL (mã dự án: 7390602), số tiền: 686.869.000 đồng.

- + Dự án Nhà mái vòm + Lát sân (mã dự án: 7494619), số tiền: 502.642.000 đồng.

- + Dự án Sửa chữa cải tạo, xây dựng Nhà làm việc bộ phận tiếp dân và trả kết quả; Nhà xe; Nhà thu gom rác số 11; cải tạo nhà kho, sân khấu, hàng rào (mã dự án: 7457526), số tiền: 847.358.000 đồng.

- Số tồn tại Kho bạc Nhà nước TP Thái Nguyên: 312.681.000 đồng.

Quá trình quản lý, sử dụng tiền bồi thường đất công và thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, Lương Quốc H, Võ Viết T1 đã có hành vi không nộp tiền bồi thường đất công vào Ngân sách nhà nước, chi tiêu sai nguyên tắc. Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn tiền bồi thường đất công và hỗ trợ giải phóng mặt bằng, H, T1 đã cấu kết với Đỗ Văn T3 là Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hòa Phát lập hồ sơ quyết toán không các hạng mục không thi công để rút tiền của Ủy ban nhân dân phường TL tại kho bạc.

T3 đã tự ý thay đổi nguyên vật liệu đưa vào thi công nhằm “rút ruột” dự án để chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

Từ năm 2012 đến năm 2016, khi các doanh nghiệp chi trả tiền bồi thường đất công cho Ủy ban nhân dân phường TL, Lương Quốc H đã thống nhất với Võ Viết T1 về việc không nộp hết tiền bồi thường đất công vào ngân sách nhà nước mà để ngoài sổ sách kế toán theo dõi riêng nhằm mục đích sử dụng chi phí cho các hoạt động của Ủy ban. Quá trình theo dõi, quản lý, sử dụng tiền bồi thường đất công của Ủy ban nhân dân phường TL, H không báo cáo với ban Thường vụ Đảng ủy, không thông qua tập thể Ủy ban, H đồng nhân dân phường TL về việc Ủy ban nhân dân phường TL có tiền bồi thường đất công để ngoài sổ sách kế toán và Ủy ban, sử dụng nguồn tiền này để chi tiêu. Số tiền bồi thường đất công không nộp vào ngân sách nhà nước là 652.500.592 đồng đã được chi cho các nội dung sau:

- Chi cho các hoạt động khác của Ủy ban từ ngày 16/4/2014 đến ngày 30/6/2016 với tổng số tiền là: 149.296.000 đồng. Kết quả giám định tài chính tại Kết luận giám định số 4438/KL – STC ngày 24/11/2017 của Sở tài chính Thái Nguyên xác định thực tế đã chi là 137.471.000 đồng; chênh lệch 11.825.000 đồng là các khoản chi trực tết Nguyên đán 2016 (4.450.000 đồng), chi mua sắm vật chất huấn luyện quân sự (3.750.000 đồng), chi hỗ trợ tổ chức tết Thiếu nhi 2016 (4.000.000 đồng).

- Chi mua sắm tài sản cho Ủy ban với tổng số tiền 503.204.592 đồng. Kết quả giám định tài chính tại Kết luận giám định số 4438/KL – STC ngày 24/11/2017 của Sở tài chính Thái Nguyên xác định thực tế đã chi là 385.400.000 đồng. Chênh lệch 117.804.592 đồng, số tiền này hiện không đủ căn cứ xác định ai đã chiếm đoạt.

Khi thực hiện các nội dung chi như nêu trên, có nội dung H báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy và thông qua tập thể Ủy ban theo tờ trình số 31/TTr – UBND ngày 23/7/2015 về việc bổ sung dự toán thu – chi ngân sách 06 tháng cuối năm 2015 để đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ với tổng số tiền là 503.500.000 đồng (được hợp thức bằng hồ sơ và 02 hóa đơn GTGT số 73734 ngày 29/6/2015 và số 73735 ngày 29/6/2015 của cửa hàng điện tử Ngọc Luân có địa chỉ tại số 262 tầng 2 Chợ Thái, thành phố Thái Nguyên). Có nội dung H tự quyết chi, không thông qua, báo cáo với ai (Nội dung chi thường xuyên).

Tại Kết luận giám định số 4438/KL-STC ngày 24/11/2017 của Sở tài chính tỉnh Thái Nguyên kết luận: Số tiền thu hỗ trợ đất công (tiền đền bù giải phóng mặt bằng) không nộp Kho bạc nhà nước, để ngoài sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, sử dụng để chi thường xuyên, mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ của Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Thái Nguyên là chưa đúng quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế. Việc Ủy ban nhân dân phường TL không nộp khoản thu đất công vào ngân sách nhà nước, không vào sổ sách kế toán và sử dụng số tiền này để chi mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ và các hoạt động thường xuyên khác, số tiền 652.500.592 đồng là không đúng với quy định tại Điều 31 Nghị định 197/2004/NĐ – CP ngày 03/12/2004 và Điều 24 Nghị định 47/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi. Việc Ủy ban nhân dân phường TL dùng tiền mặt không vào sổ sách kế toán, sử dụng nguồn tiền thu hỗ trợ đất công chi cho mua sắm công cụ, dụng cụ, chi các hoạt động khác không đúng quy định, không đúng thực tế và quyết toán tăng sai. Các hành vi trên của Ủy ban nhân dân phường TL gây thiệt hại cho Nhà nước 129.629.592 đồng (652.500.592 đồng (theo chứng từ quyết toán) –

522.871.000 đồng (thực tế chi) = 129.629.592 đồng (chênh lệch). Cụ thể: Chênh lệch giữa mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ là 117.804.592 đồng; Chênh lệch chi cho các hoạt động khác: 11.825.000 đồng).

Trong thời gian nêu trên, Ủy ban nhân dân phường TL đã thực hiện các dự án xây dựng cơ bản sau:

1. “Dự án Nhà mái vòm + Lát sân” thuộc công trình Đảng ủy – Hội đồng nhân dân – Ủy ban nhân dân phường TL do Ủy ban nhân dân phường TL là chủ đầu tư, sử dụng 100% vốn do địa phương tự huy động. Sau khi qua giai đoạn khảo sát, thiết kế, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ dự toán và được Phòng tài chính kế hoạch thành phố Thái Nguyên thẩm định, Lương Quốc H khi đó là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TL – đại diện chủ đầu tư đã thông qua kế hoạch chỉ định thầu xây lắp dự án, thực hiện chỉ định, ký kết hợp đồng xây dựng số 01/2015/HĐ-XD ngày 12/01/2015 với đơn vị thi công là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hòa Phát có địa chỉ tại tổ 25, phường QT4, thành phố Thái Nguyên do Đỗ Văn T3 làm Giám đốc. Đồng thời chỉ định, ký kết hợp đồng tư vấn giám sát số 02/2015/HĐ-GS ngày 12/01/2015 với đơn vị tư vấn giám sát là Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Khải Linh có địa chỉ tại tổ 8, phường T7T8, thành phố Thái Nguyên do anh Dương Văn K (sinh năm 1982; Trú quán: Tổ 27, phường QT4, thành phố Thái Nguyên) làm Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát, nghiệm thu vật liệu đưa vào thi công trong dự án. Lương Quốc H, Võ Viết T1 chịu trách nhiệm quản lý, giám sát và theo dõi chung đối với dự án. Dự án được khởi công từ ngày 12/01/2015 đến ngày 20/02/2015 được nghiệm thu bàn giao để đưa vào sử dụng.

Theo hợp đồng thi công xây dựng dự án đã được ký kết thì Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hòa Phát phải thực hiện việc thi công theo hồ sơ thiết kế đã được chủ đầu tư phê duyệt. Nguyên vật liệu đưa vào sử dụng do công ty tự cung ứng, chi phí nguyên vật liệu được tính vào giá trị thanh toán của hợp đồng.

Theo hợp đồng thi công và hồ sơ thiết kế được duyệt thì đơn vị thi công phải thực hiện các khối lượng công việc sau:

- Lắp dựng 15 thanh xà gồ thép C100 x 40 x 3,5mm, mỗi thanh dài 34,4m (Khối lượng: 6,59/1000 tấn/01m chiều dài). Tổng khối lượng xà gồ thép phải sử dụng là: $15 \times 34,4 \times 6,59/1000 = 3,4004$ tấn;
- Lợp mái tôn dày 0,42mm, số lượng tôn phải sử dụng: 535,5m²;
- Ốp tôn dày 0,35 mm ở hai bên hồi nhà mái vòm, số lượng tôn phải sử dụng: 251,2 m².

Trong quá trình thi công xây lắp, lợi dụng sự lỏng lẻo trong công tác giám sát và sự tin tưởng của chủ đầu tư, Đỗ Văn T3 đã thực hiện hành vi cắt giảm, thay đổi nguyên vật liệu thi công (so với hồ sơ thiết kế được duyệt). Cụ thể:

- Cắt giảm lượng thép sử dụng để lắp dựng xà gồ: T3 đưa vào công trường và cho nhân công lắp dựng 15 thanh xà gồ thép C100 x 50 x 17 x 1,9mm, mỗi thanh dài 34,4m. (Khối lượng: 3,49/1000 tấn/01m chiều dài). Tổng khối lượng xà gồ thép đã sử dụng là: $15 \times 34,4 \times 3,49/1000 = 1,805$ tấn (cắt giảm 1,5954 tấn thép so với hồ sơ dự toán).

- Thay đổi độ dày 535,5m² tôn lợp mái: T3 đưa vào công trường và cho nhân công lợp mái nhà vòm bằng loại tôn dài bất kỳ có độ dày 0,35mm.

- Ôp 251,2m² tôn hai bên hồi: T3 đưa vào công trường và cho nhân công ốp hai bên hồi nhà vòm bằng loại tôn dài bất kỳ có độ dày 0,35mm.

Tổng chi phí xây lắp thực tế đối với các hạng mục trên là: 158.915.000 đồng.

Sau khi cắt giảm, thay đổi nguyên vật liệu đưa vào công trường và thực hiện việc thi công dự án, T3 đã kê khai gian dối khối lượng công việc xây lắp hoàn thành đối với các hạng mục nêu trên trong các biên bản nghiệm thu để lừa dối chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của Ủy ban nhân dân phường TL thanh toán cho phần xây lắp bị T3 “rút ruột”. Cụ thể:

- Sản xuất, lắp dựng xà gồ thép: thực tế dự án trên chỉ được lắp dựng số xà gồ thép có tổng trọng lượng 1,805 tấn, nhưng T3 kê khai gian dối thành sử dụng số xà gồ thép có tổng trọng lượng 3,4004 tấn.

- Lợp 535,5m² tôn dài bất kỳ trên mái nhà vòm: thực tế, mái nhà vòm được lợp loại tôn dày 0,35mm, nhưng T3 kê khai gian dối thành lợp tôn dày 0,42mm.

- Ôp 251,2m² tôn dày 0,35mm che hai bên hồi nhà vòm: thực tế hai bên hồi mái vòm được ốp loại tôn dài bất kỳ có chi phí thấp, nhưng T3 đã kê khai gian dối thành ốp tôn dài ≤ 02m có chi phí cao hơn.

Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát thi công đã tin tưởng các nội dung T3 kê khai là thật nên đã ký vào các biên bản nghiệm thu, các biên bản này đã được T3 tập hợp lại rồi đưa vào hồ sơ quyết toán dự án, sau đó bàn giao cho chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân phường TL làm thủ tục đề nghị Phòng tài chính – kế hoạch thành phố Thái Nguyên thẩm định. Kết quả, tại Biên bản thẩm định ngày 13/5/2015, Phòng tài chính kế hoạch thành phố Thái Nguyên xác định chi phí xây lắp toàn bộ dự án là: 598.155.000 đồng. Trong đó, theo tính toán từ hồ sơ thẩm định của phòng tài chính thì nội dung lắp dựng xà gồ thép, lợp mái tôn, ốp tôn hai bên hồi nhà mái vòm được thẩm định có chi phí xây lắp: 235.576.000 đồng. Chênh lệch so với chi phí thi công thực tế là: 235.576.000 đồng - 158.915.000 đồng = 76.661.000 đồng.

Căn cứ vào kết quả thẩm định của phòng tài chính kế hoạch thành phố Thái Nguyên, ngày 12/10/2015, Ủy ban nhân dân phường TL đã ra Quyết định số 241 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành đối với dự án nêu trên, trong đó có nội dung phê duyệt quyết toán chi phí xây lắp là: 598.155.000 đồng.

Sau khi phê duyệt quyết toán, Ủy ban nhân dân phường TL đã sử dụng tiền bồi thường đất công nộp vào ngân sách nhà nước để thực hiện việc thanh toán chi phí xây lắp dự án tại Kho bạc Nhà nước thành phố Thái Nguyên với tổng số tiền là 502.642.000 đồng. So với tổng chi phí xây lắp dự án đã được chủ đầu tư phê duyệt thì Ủy ban nhân dân phường TL chưa thực hiện thanh toán số tiền 95.513.000 đồng cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hòa Phát.

Trong số tiền đã thực hiện thanh toán như nêu trên có 76.661.000 đồng được Ủy ban nhân dân phường TL thanh toán cho phần xây lắp bị T3 rút ruột, số tiền này khi thanh toán qua Kho bạc nhà nước thành phố Thái Nguyên đã bị kho bạc khấu trừ 02% x 76.661.000 đồng = 1.533.220 đồng, còn lại: 76.661.000 đồng - 1.533.220 đồng = 75.127.780 đồng được chuyển từ tài khoản của Ủy ban nhân dân phường TL tại Kho bạc nhà nước thành phố Thái Nguyên sang T1 khoản Ngân hàng của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hòa Phát. T3 đã rút phần tiền này ra khỏi T1 khoản của Công ty và sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

2. “Dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, nhà xe, nhà thu gom rác số 11, cải tạo nhà kho, sân khấu, hàng rào, hạng mục nhà làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả”: Lương Quốc H - đại diện chủ đầu tư đã thông qua kế hoạch chỉ định thầu xây lắp dự án, thực hiện chỉ định, ký kết hợp đồng xây dựng số 01/2014/HĐ-XD ngày 10/04/2014 và phụ lục hợp đồng số 02a/PL-HĐ ngày 20/6/2014 với đơn vị thi công là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hòa Phát do Đỗ Văn T3 làm Giám đốc. Đồng thời chỉ định, ký kết hợp đồng tư vấn giám sát số 01/2014/HĐ-TVGS ngày 10/04/2014 với đơn vị tư vấn giám sát là Công ty CP tư vấn thiết kế và xây dựng Thái Nguyên tại địa chỉ: Tổ 19, phường T7T8, thành phố Thái Nguyên do anh Lương Ngọc Q1 (sinh năm 1978; Trú quán: xóm 2, KT9, xã KS2, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên) là Giám đốc. Công ty đã phân công lao động hợp đồng là anh Nguyễn Văn C là nhân viên tư vấn giám sát dự án. Dự án được khởi công từ tháng 4/2014 đến ngày 27/7/2014 được nghiệm thu bàn giao để đưa vào sử dụng.

Theo hợp đồng xây dựng đã được ký kết thì Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hòa Phát phải thực hiện việc xây lắp dự án theo hồ sơ thiết kế đã được chủ đầu tư phê duyệt. Nguyên vật liệu đưa vào sử dụng do công ty tự cung ứng, chi phí nguyên vật liệu được tính vào giá trị thanh toán của hợp đồng.

Phần lợp mái tôn: Theo thiết kế, hoàn công công trình thì tôn lợp mái sử dụng tôn liên doanh có độ dày 0,4mm. Thực tế T3 thay đổi vật liệu tôn đưa vào công trường có độ dày 0,35mm. Với thủ đoạn kê khai gian dối thành lợp tôn dày 0,4mm để lừa dối chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của Ủy ban nhân dân phường TL thanh toán cho phần xây lắp bị T3 rút ruột. Theo tính toán từ hồ sơ thẩm định của phòng tài chính thì nội dung lợp mái tôn Nhà làm việc bộ phận tiếp dân và trả kết quả được thẩm định có chi phí xây lắp: 20.553.000 đồng. Chênh lệch so với chi phí thi công thực tế là: 20.553.000 đồng - 14.192.000 đồng = 6.361.000 đồng (trong tổng số tiền 847.358.000 đồng của cả dự án). Số tiền này khi thanh toán qua Kho bạc Nhà nước thành phố Thái Nguyên đã bị kho bạc khấu trừ 02% x 6.361.000 đồng = 127.220 đồng, còn lại: 6.361.000 đồng - 127.220 đồng = 6.233.780 đồng được chuyển từ tài khoản của Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Thái Nguyên tại Kho bạc nhà nước thành phố Thái Nguyên sang tài khoản Ngân hàng của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hòa Phát. T3 đã rút phần tiền này ra khỏi tài khoản của Công ty và sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, tổng số tiền T3 đã chiếm đoạt bằng việc thay đổi nguyên vật liệu đưa vào thi công với hồ sơ thiết kế là 83.022.000 đồng.

Quá trình thực hiện dự án nêu trên, đơn vị thi công cùng với đơn vị tư vấn giám sát và chủ đầu tư dự án đã thực hiện nghiệm thu 04 hạng mục của dự án không thi công gồm: Xây dựng nhà để xe ủy ban; Xây dựng sân khấu ủy ban; Cải tạo, sửa chữa nhà kho ủy ban; Cải tạo nhà thu gom rác số 11 phường TL.

Các biên bản nghiệm thu này được T3 tập hợp lại đưa vào hồ sơ quyết toán dự án sau đó bàn giao cho chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân phường TL làm thủ tục đề nghị Phòng tài chính – kế hoạch thành phố Thái Nguyên thẩm định. Kết quả, tại Biên bản thẩm định ngày 27/8/2015, Phòng tài chính kế hoạch TP Thái Nguyên xác định chi phí xây lắp toàn bộ dự án là: 847.358.000 đồng. Trong đó,

theo tính toán từ hồ sơ thẩm định của phòng tài chính thì 04 hạng mục nêu trên được thẩm định có chi phí xây lắp là: 149.948.000 đồng.

Căn cứ vào kết quả thẩm định của phòng tài chính kế hoạch thành phố Thái Nguyên, ngày 27/8/2015, Ủy ban nhân dân phường TL đã ra Quyết định số 220 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành đối với dự án nêu trên, trong đó có nội dung phê duyệt quyết toán chi phí xây lắp là: 847.358.000 đồng.

Sau khi phê duyệt quyết toán, Ủy ban nhân dân phường TL đã sử dụng tiền bồi thường đất công nộp vào ngân sách nhà nước để thực hiện việc thanh toán toàn bộ chi phí xây lắp dự án tại Kho bạc nhà nước thành phố Thái Nguyên với tổng số tiền là 847.358.000 đồng theo 05 giấy rút vốn đầu tư do Võ Viết T1 (là kế toán) lập và Lương Quốc H (là chủ tài khoản) ký duyệt. Gồm:

- Giấy rút vốn đầu tư số 03 ngày 30/6/2014, thanh toán số tiền: 260.000.000 đồng;
- Giấy rút vốn đầu tư số 04 ngày 11/9/2014, thanh toán số tiền: 140.000.000 đồng;
- Giấy rút vốn đầu tư số 06 ngày 30/10/2014, thanh toán số tiền: 100.000.000 đồng;
- Giấy rút vốn đầu tư số 05 ngày 4/9/2015, thanh toán số tiền: 300.000.000 đồng;
- Giấy rút vốn đầu tư số 10 ngày 22/10/2015, thanh toán số tiền: 47.358.000 đồng.

Trong số tiền đã thực hiện thanh toán như nêu trên có 149.948.000 đồng được thanh toán cho phần xây lắp của 04 hạng mục không thi công, gồm: tiền khấu trừ 02% x 149.948.000 đồng = 2.998.960 đồng và tiền được chuyển từ tài khoản của Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Thái Nguyên tại Kho bạc nhà nước thành phố Thái Nguyên sang tài khoản Ngân hàng của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hòa Phát 149.948.000 đồng – 2.998.960 đồng = 146.949.040 đồng. T3 đã rút tiền trong tài khoản Ngân hàng của Công ty ra thành tiền mặt, giao lại cho H 61.800.605 đồng và nói rõ cho H biết đây là tiền thanh toán được từ 04 hạng mục không thi công, còn lại: 85.148.435 đồng T3 lấy lý do trừ vào phần chi phí xây lắp “Dự án nhà vòm – lát sân” chưa được Ủy ban nhân dân phường TL thanh toán để giữ lại sử dụng cá nhân.

Trong quá trình thực hiện các dự án nêu trên, Ủy ban nhân dân phường TL đã thành lập Ban quản lý công trình cụ thể như sau: Tại Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 về việc kiện toàn ban quản lý các công trình xây dựng phường TL – thành phố Thái Nguyên do Lương Quốc H làm Trưởng ban; Võ Viết T1 – kế toán, Nguyễn Văn K – cán bộ Địa chính và Lê Hữu T5 – cán bộ Trật tự xây dựng – Mỹ quan đô thị là ủy viên và một số thành viên khác chịu trách nhiệm quản lý, giám sát và theo dõi chung.

Tại Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 08/5/2014 của Ủy ban nhân dân phường TL về việc Thành lập Ban giám sát công trình nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính đã phân công ông Nguyễn Việt B – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban, Nguyễn Văn L2 – cán bộ Trật tự xây dựng làm phó ban và một số thành viên khác.

Do có sự thay đổi về công tác cán bộ, tại Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 22/9/2014 của Ủy ban nhân dân phường TL về việc kiện toàn ban quản lý

các công trình xây dựng phường TL – thành phố Thái Nguyên. Lương Quốc H – Chủ tịch là Trưởng ban, ông Nguyễn Việt B – Phó Chủ tịch làm Phó ban, Võ Viết T1 – kế toán, Lê Đức T10 - Cán bộ Địa chính, Nguyễn Văn L2 – Cán bộ Trật tự xây dựng là ủy viên.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Quốc H, Võ Viết T1 và Đỗ Văn T3 khai nhận như sau:

Lương Quốc H thừa nhận việc để số tiền bồi thường đất công, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không nộp vào ngân sách nhà nước, sử dụng số tiền đó chi sai mục đích gây thiệt hại cho nhà nước nhưng số tiền thiệt hại không phải là 129.629.592 đồng mà chỉ thiệt hại 104.204.592 đồng. Việc đưa 04 hạng mục không thi công vào hồ sơ quyết toán dự án là do T3 thực hiện. Tại thời điểm ký duyệt hồ sơ quyết toán, H kiểm tra phát hiện ra trong hồ sơ có nội dung quyết toán 04 hạng mục không thi công nhưng H vẫn ký vì T3 nói với H cứ lập hồ sơ lên, sau đó không thanh toán cũng không sao. Sau khi thanh toán toàn bộ chi phí xây lắp dự án tại kho bạc theo 05 giấy rút vốn nêu trên (bao gồm cả phần thanh toán cho 04 hạng mục không thi công), T3 đã đưa cho H 61.800.605 đồng. Số tiền này H đã đưa cho thủ quỹ là chị Nguyễn Thị T6 nộp vào tài khoản của Ủy ban nhân dân phường TL tại Kho bạc nhà nước thành phố Thái Nguyên nhằm mục đích nộp bù một phần số tiền bồi thường đất công để ngoài sổ sách kế toán đã bị H và T1 chi sai nguyên tắc (tức là khắc phục cho việc làm sai của H và T1) (Giấy nộp tiền ngày 25/7/2016). H không có ý thức chiếm đoạt tiền từ 04 hạng mục không thi công đó.

Võ Viết T1 thừa nhận việc để số tiền bồi thường đất công, hỗ trợ giải phóng không nộp vào ngân sách nhà nước, sử dụng số tiền đó chi sai mục đích gây thiệt hại cho nhà nước nhưng số tiền thiệt hại không phải là 129.629.592 đồng mà chỉ thiệt hại 104.204.592 đồng. Việc sử dụng tiền bồi thường đất công của ủy ban nộp vào ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí xây lắp “Dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, nhà xe, nhà thu gom rác số 11, cải tạo nhà kho, sân khấu, hàng rào, hạng mục nhà làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” là do H yêu cầu T1 thực hiện. Thực hiện yêu cầu của H, T1 đã lập 05 giấy rút vốn trình H ký duyệt và thực hiện việc thanh toán như đã nêu. Tại thời điểm thanh toán, T1 không biết trong dự án có 04 hạng mục không thi công, đến khi thực hiện xong việc thanh toán thì T1 mới phát hiện ra. T1 không cấu kết với H, T3 để chiếm đoạt tiền từ 04 hạng mục không thi công đó.

Đỗ Văn T3 thừa nhận hành vi thay đổi nguyên vật liệu, không đúng với thiết kế, lừa dối chủ đầu tư và đơn vị giám sát để chiếm đoạt số tiền chênh lệch. Đối với việc lập hồ sơ quyết toán không 04 hạng mục không thi công, T3 cho rằng do H đã đề nghị T3 làm thủ tục nghiệm thu và đưa vào hồ sơ quyết toán chi phí xây lắp 04 hạng mục không thi công để H lập chứng từ thanh toán cho Công ty do T3 làm giám đốc nhằm mục đích thông qua tài khoản Ngân hàng của công ty, H rút tiền trong tài khoản của Ủy ban nhân dân phường TL tại Kho bạc nhà nước thành phố Thái Nguyên ra thành tiền mặt để chi tiêu.

Quá trình giải quyết vụ án, Lương Quốc H đã đưa tiền cho thủ quỹ của Ủy ban nhân dân phường là Nguyễn Thị T6 nộp vào tài khoản của Ủy ban nhân dân phường TL tại Kho bạc thành phố Thái Nguyên để khắc phục hậu quả vào nguồn bồi thường đất công với tổng số tiền là: 309.800.605 đồng. Đỗ Văn T3 đã

nộp vào tài khoản của Ủy ban nhân dân phường TL số tiền 20.000.000 đồng và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên 63.022.000 đồng và 85.147.435đ để khắc phục hậu quả cho hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản cho hành vi Tham ô tài sản.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 389/2018/HS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lương Quốc H và Võ Viết T1 phạm hai tội: Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng và Tham ô tài sản.

Bị cáo Đỗ Văn T3, phạm hai tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tham ô tài sản.

1) Về hình phạt chính:

* Đối với bị cáo Lương Quốc H:

+ Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 278 BLHS1999; điểm b, v khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lương Quốc H 08 năm 6 tháng tù (tám năm sáu tháng tù) về tội Tham ô tài sản.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 165 BLHS năm 1999, điểm b, v, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lương Quốc H: 02 (H2) năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng Điều 55 BLHS 2015: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Quốc H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 năm 6 tháng (mười năm sáu tháng) tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành bản án này.

* Đối với bị cáo Võ Viết T1

+ Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 278 BLHS 1999; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Võ Viết T1: 08 (tám) năm tù về tội “Tham ô tài sản”;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 165 BLHS năm 1999; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Võ Viết T1: 18 (mười tám) tháng tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng Điều 55 BLHS 2015: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Võ Viết T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 năm 06 tháng (chín năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành bản án này.

* Đối với bị cáo Đỗ Văn T3:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS1999; d khoản 2 Điều 278 BLHS 1999; điểm b, t, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS2015; Điều 55 BLHS2015 xử phạt:

- Đỗ Văn T3 01 (một) năm tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 04 (bốn) năm tù giam về tội Tham ô tài sản. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đỗ Văn T3 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành bản án này.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 25/10/2018, bị cáo Lương Quốc H kháng cáo với các nội dung như sau:

1. Đối với tội tham ô tài sản là oan sai cho bị cáo.

2. Đối với tội cố ý làm trái các quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng với số tiền là 129.629.592đ; Bị cáo cho rằng: có chi sai, làm trái nhưng không gây hậu quả nghiêm trọng vì toàn bộ số tiền đó đều được chi cho các hoạt động của địa phương và quan tâm đến đời sống vật chất tinh thần cho anh em trong cơ quan. Bản thân không chiếm đoạt, tư túi và đã hoàn trả đầy đủ cho tập thể.

3. Bị cáo cho rằng bản án sơ thẩm và bản cáo trạng, luận tội của Viện kiểm sát rất nhiều nội dung không có căn cứ, không đúng sự thật.

4. Bị cáo cho rằng bị ép cung nhưng tòa án cấp sơ thẩm không xem xét.

5. Đề nghị xem xét lại một số tài liệu như biên bản làm việc ngày 10/11/2015 giữa UBND phường TL và Công ty Hòa phát; Công văn 21/TC-UBND của ủy ban nhân dân phường TL; lời khai của ông T3.

6. Bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm, sai sót khi xét xử như hay bị ngắt lời; hạn chế thời gian tranh luận; yêu cầu sự có mặt của người tham gia tố tụng khác không được thực hiện; Không được xem biên bản phiên tòa; không áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội.

7. Bỏ lọt người phạm tội là ông B và ông C.

8. Mức án quá cao mặc dù có 3 tình tiết giảm nhẹ và mức án không công B giữa các bị cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Qua xác minh kháng cáo của bị cáo H có các nội dung như sau:

- Về tội tham ô tài sản bị cáo kêu oan.

- Về tội: “cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, bị cáo xin hưởng mức án cải tạo không giam giữ hoặc xin giảm nhẹ hình phạt vì đã sớm khắc phục hậu quả và có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Ngày 26/10/2018, bị cáo Võ Viết T1 kháng cáo kêu oan và đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H kháng cáo xin giảm hình phạt theo nội dung đơn của bị cáo viết ngày 18/02/2019.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356/BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Võ Viết T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo T1. Về số tiền 25.650.000đ đã nộp vào kho bạc nhà nước theo nội dung giấy nộp tiền là khoản tiền bồi thường đất công nên không xem xét trong vụ án này.

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Lương Quốc H; Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 278/BLHS năm 1999; điểm b,v,s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H từ 5 đến 6 năm tù về

tội tham ô tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 165/ BLHS năm 1999; điểm b, v, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H từ 12 đến 15 tháng tù về tội: Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 6 đến 7 năm tù.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo T1 cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc ra lệnh áp giải bị cáo, không đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo đối với luật sư; xác định sai tư cách tố tụng của Ủy ban nhân dân phường TL; các chứng cứ do công an thu thập không đúng quy định; lời khai của các bị cáo có nhiều mâu thuẫn chưa đủ căn cứ buộc tội tham ô tài sản đối với bị cáo Võ Viết T1; Đối với tội :” Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” việc thực hiện giám định có vi phạm tố tụng; có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Việt B và những người giám sát công trình; đối với tội tham ô tài sản áp dụng Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999 là không đúng, do đó các luật sư đề nghị hủy một phần án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Bị cáo H không tranh luận gì chỉ xin được giảm án. Bị cáo T1 nhất trí với lời bào chữa của các Luật sư và đề nghị minh oan cho bị cáo về tội tham ô tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lương Quốc H và Võ Viết T1 được làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H thay đổi nội dung kháng cáo: xin giảm hình phạt theo nội dung đơn của bị cáo viết ngày 18/02/2019.

Đối với Võ Viết T1 xin giảm nhẹ hình phạt về tội Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng và đề nghị minh oan cho bị cáo về tội tham ô tài sản.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm và đơn kháng cáo, cả hai bị cáo đều không nhận tội nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lương Quốc H đã thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo đã thực hiện. Xét lời khai nhận tội của bị cáo H tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo T3 tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Đối với bị cáo Võ Viết T1 không nhận tội về tội tham ô tài sản nhưng qua lời khai của bị cáo; lời khai của bị cáo T3 và bị cáo H cũng như những người tham gia tố tụng khác kết hợp với các tài liệu do cơ quan điều tra thu thập xét thấy, có đủ căn cứ xác định: Võ Viết T1 được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch công chức giữ chức danh tài chính kế toán theo quyết định số 11987/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên; Trong quá trình thực hiện dự án xây dựng cơ

bản các công trình do ủy ban nhân dân phường TL làm chủ đầu tư, T1 còn tham gia ban quản lý các công trình xây dựng của phường với nhiệm vụ làm kế toán và là ủy viên ban quản lý. T1 đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao đã giúp sức cho Lương Quốc H và Đỗ Văn T3 thực hiện hành vi phạm tội; Qua xem xét đã có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ năm 2012 - 2016, bị cáo Lương Quốc H là Chủ tịch và bị cáo Võ Viết T1 là Kế toán của Ủy ban nhân dân phường TL, TP Thái Nguyên. Ủy ban nhân dân phường TL, TP Thái Nguyên có 02 dự án thu hồi đất đền bù, giải phóng mặt bằng của Công ty than Khánh Hòa và Công ty TNHH TM Phúc Thắng. Hai Công ty trên đã chi trả tiền bồi thường đất công cho Ủy ban nhân dân phường TL, TP Thái Nguyên thành nhiều đợt từ ngày 04/12/2012 đến ngày 04/7/2016 với tổng số tiền là 3.065.663.000đ. Ngoài ra có 149.000.000đ tiền nhân dân đóng góp làm đường bê tông vào tháng 01/2013. Tổng cộng số tiền là: 3.214.663.000đ (ba tỷ, hai trăm mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng), trong đó: Nộp vào Kho bạc Nhà nước số tiền là 2.349.550.000đ; Chi trả cho 5 hộ dân bị thu hồi đất là 212.612.000đ; Để ngoài sổ sách là 652.500.592đ.

Đối với hành vi Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng: Sau khi nhận tiền các khoản tiền bồi thường đất công, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của hai doanh nghiệp, bị cáo Lương Quốc H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TL đồng thời là chủ tài khoản, chỉ đạo, bàn bạc thống nhất với bị cáo Võ Viết T1 không nhập vào quỹ tiền mặt mà đã lập bảng kê theo dõi riêng, sau đó nộp dần vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước với mục đích để sử dụng tiền cho các khoản chi thường xuyên; chỉ khi cần thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành mới nộp vào tài khoản tại kho bạc và chuyển khoản cho nhà thầu xây dựng.

Căn cứ vào Kết luận giám định số 4438/KL-STC ngày 24/11/2017 của Sở tài chính tỉnh Thái Nguyên đã kết luận: Số tiền thu hỗ trợ đất công (tiền đền bù giải phóng mặt bằng) không nộp Kho bạc nhà nước, để ngoài sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, sử dụng để chi thường xuyên, mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ của Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố Thái Nguyên là chưa đúng quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế. Việc Ủy ban nhân dân phường TL không nộp khoản thu đất công vào ngân sách nhà nước, không vào sổ sách kế toán và sử dụng số tiền này để chi mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ và các hoạt động thường xuyên khác, số tiền 652.500.592 đồng là không đúng với quy định tại Điều 31 Nghị định 197/2004/NĐ – CP ngày 03/12/2004 và Điều 24 Nghị định 47/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi.

Việc Ủy ban nhân dân phường TL dùng tiền mặt không vào sổ sách kế toán, sử dụng nguồn tiền thu hỗ trợ đất công chỉ cho mua sắm công cụ, dụng cụ, chi các hoạt động khác không đúng quy định, không đúng thực tế và quyết toán tăng sai. Các hành vi trên của Ủy ban nhân dân phường TL gây thiệt hại cho Nhà nước $129.629.592$ đồng ($652.500.592$ đồng (theo chứng từ quyết toán) – $522.871.000$ đồng (thực tế chi) = $129.629.592$ đồng (chênh lệch)). Cụ thể: Chênh lệch giữa mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ là $117.804.592$ đồng; Chênh lệch chi cho các hoạt động khác: $11.825.000$ đồng.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã chứng minh được bị cáo H không báo cáo với Ban Thường vụ Đảng ủy phường, không thông qua tập thể Ủy ban nhân dân và hội đồng nhân dân phường TL về việc Ủy ban nhân dân phường TL có nguồn tiền bồi thường đất công, hỗ trợ GPMB để ngoài sổ sách kế toán và sử dụng nguồn tiền này để chi cho các hoạt động của Ủy ban nhân dân phường TL nên phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi của mình. Tại phiên tòa hôm nay giám định viên vẫn giữ nguyên kết luận giám định số 4438/KL-STC ngày 24/11/2017 nêu trên.

Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Lương Quốc H và Võ Viết T1 về tội Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (với số tiền thiệt hại là 129.629.592đ) theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Đối với tội tham ô tài sản: Trước khi lập hồ sơ thanh quyết toán công trình “Dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, nhà xe, nhà thu gom rác số 11, cải tạo nhà kho, sân khấu, hàng rào, hạng mục nhà làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả”, bị cáo H và bị cáo T3 đều biết có 04 hạng mục công trình không thi công đó là nhà xe, nhà thu gom rác số 11, cải tạo nhà kho, sân khấu. Bị cáo Lương Quốc H là người được giao làm chủ tài khoản, chủ dự án của Ủy ban nhân dân phường TL, có trách nhiệm quản lý tiền ngân sách đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, bàn bạc thống nhất với bị cáo T3, chỉ đạo bị cáo T3 lập hồ sơ thanh quyết toán 04 hạng mục công trình nêu trên để bị cáo H ký duyệt với mục đích để chiếm đoạt tiền từ ngân sách của Ủy ban nhân dân phường TL. Bị cáo Võ Viết T1 là người được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch công chức giữ chức danh tài chính kế toán theo quyết định số 11987/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên; Trong quá trình thực hiện dự án xây dựng cơ bản các công trình do ủy ban nhân dân phường TL làm chủ đầu tư, T1 còn tham gia ban quản lý các công trình xây dựng của phường với nhiệm vụ làm kế toán và là ủy viên ban quản lý. T1 đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao đã giúp sức cho Lương Quốc H và Đỗ Văn T3 thực hiện việc ký các biên bản thẩm định và trực tiếp tham mưu để thực hiện việc thanh toán toàn bộ chi phí xây lắp dự án tại Kho bạc nhà nước thành phố Thái Nguyên với tổng số tiền là 847.358.000 đồng theo 05 giấy rút vốn đầu tư do Võ Viết T1 (là kế toán) lập và Lương Quốc H (là chủ tài khoản) ký duyệt trong đó có 4 hạng mục công trình không thi công, gồm:

- Giấy rút vốn đầu tư số 03 ngày 30/6/2014, thanh toán số tiền: 260.000.000 đồng;
- Giấy rút vốn đầu tư số 04 ngày 11/9/2014, thanh toán số tiền: 140.000.000 đồng;
- Giấy rút vốn đầu tư số 06 ngày 30/10/2014, thanh toán số tiền: 100.000.000 đồng;
- Giấy rút vốn đầu tư số 05 ngày 4/9/2015, thanh toán số tiền: 300.000.000 đồng;
- Giấy rút vốn đầu tư số 10 ngày 22/10/2015, thanh toán số tiền: 47.358.000 đồng.

Sau khi rút được tiền bị cáo T3 đã chuyển cho bị cáo H số tiền 61.000.000đ, trong tổng số 149.948.000đ. Số tiền còn lại theo bị cáo T3 khai là giữ lại để trừ vào khoản tiền mà bị cáo H chưa thanh toán ở công trình nhà mái vòm – lát nền. Như vậy hành vi chiếm đoạt tiền của Ủy ban nhân dân phường TL mà các bị cáo thực hiện đã hoàn thành.

Trên thực tế bị cáo T3 đã chuyển cho bị cáo H 61.000.000đ là tiền Tham ô tài sản; số còn lại bị cáo T3 chưa chuyển cho bị cáo H là do các bị cáo thống nhất với nhau trong việc đối trừ khoản nợ công trình nhà mái vòm- lát nền chưa trả cho công ty của bị cáo T3. Đến tháng 7/2016 khi cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên vào làm việc, do sợ bị phát hiện nên bị cáo H đã chỉ đạo các bị cáo làm các văn bản: như biên bản làm việc ngày 10/11/2015; Công văn số 21/TC-UBND ngày 15/3/2016 của Ủy ban nhân dân phường TL; và Công văn số 19/CV-CT ngày 18/3/2018 của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Hòa Phát là để nhằm hợp thức hóa việc ăn chia. Bị cáo H đã đưa cho chị Nguyễn Thị T6 số tiền 61.800.605đ để nộp vào ngân sách của Ủy ban nhân dân phường TL được coi là việc bị cáo khắc phục hậu quả.

Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lương Quốc H, Võ Viết T1 và Đỗ Văn T3 về tội Tham ô tài sản với số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 149.948.000đ là có căn cứ. Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm áp dụng điểm d khoản 2 Điều 278 BLHS 1999 để xét xử đối với các bị cáo là chưa đúng theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành mà cần áp dụng khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo theo hướng có lợi cho người phạm tội theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này, mặc dù bị cáo T3 không có kháng cáo và không bị kháng nghị nhưng cũng cần sửa điều luật áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lương Quốc H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức án như đã tuyên là chưa phù hợp bởi lẽ, đối với tội tham ô tài sản, các bị cáo đã chiếm đoạt của Ủy ban nhân dân Phường là 149.948.000đ nhưng T3 chỉ đưa cho H 61.000.000đ còn lại là bị cáo T3 chiếm đoạt số tiền lớn hơn nhưng án sơ thẩm tuyên phạt T3 chỉ 4 năm tù về tội tham ô tài sản nhưng lại phạt H 8 năm 6 tháng tù là chưa đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đặc biệt trong vụ án này số tiền tham ô đã được bị cáo tự nguyện khắc phục toàn bộ trước khi khởi tố vụ án; Trong quá trình công tác bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác; Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Mặt khác việc áp dụng Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 là có lợi cho bị cáo. Vì vậy có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với từng tội danh theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Xét đề nghị xin giảm hình phạt của bị cáo T1 về tội “ Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo về tội này đồng thời tự nguyện nộp 10.000.000đ vào cơ quan thi hành án để khắc phục

hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy có căn cứ giám án cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T1 là người được tuyển dụng và bổ nhiệm vào ngạch công chức giữ chức danh tài chính kế toán theo quyết định số 11987/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên; Trong quá trình thực hiện dự án xây dựng cơ bản các công trình do ủy ban nhân dân phường TL làm chủ đầu tư, T1 còn tham gia ban quản lý các công trình xây dựng của phường với nhiệm vụ làm kế toán và là ủy viên ban quản lý. T1 đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao đã giúp sức cho Lương Quốc H và Đỗ Văn T3 thực hiện việc ký các biên bản thẩm định và trực tiếp tham mưu để thực hiện việc thanh toán toàn bộ chi phí xây lắp dự án tại Kho bạc nhà nước thành phố Thái Nguyên với tổng số tiền là 847.358.000 đồng theo 05 giấy rút vốn đầu tư do Võ Viết T1 (là kế toán) lập và Lương Quốc H (là chủ tài khoản) ký duyệt trong đó có 4 hạng mục công trình không thi công. Mặc dù kêu oan nhưng bị cáo thừa nhận nếu bị cáo không thực hiện các hành vi nêu trên thì các bị cáo không thể rút tiền của nhà nước ra được. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H cũng xác nhận việc lập không hồ sơ quyết toán bị cáo T1 hoàn toàn biết. Mặt khác, các bị cáo là người khi lập các chứng từ như: giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy rút vốn đầu tư có nhiều nội dung trong đó ghi rõ tên dự án, công trình trong khi 4 hạng mục công trình đó không hề thi công ở trụ sở Phường nhưng bị cáo cho rằng không biết chỉ là để nhằm trốn tránh trách nhiệm mà thôi. Do vậy, có căn cứ bị cáo T1 đã phạm tội tham ô tài sản với vai trò đồng phạm giúp sức là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. tuy nhiên, đối với tội danh này, bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức nhưng không được hưởng số tiền mà T3 và H đã chiếm đoạt. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 8 năm tù là chưa đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên trong tội này, bị cáo chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cũng chỉ có thể giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với đề nghị của bị cáo đề nghị xem xét số tiền 25.650.000đ bị cáo đưa cho chị T6 đi nộp để khắc phục hậu quả trong vụ án này. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và bản tường trình của chị Nguyễn Thị T6, chị T6 đều khẳng định đó là khoản tiền T1 đưa cho chị T6 để nộp vào tài khoản bồi thường đất công do bị thiếu. Chị T6 khẳng định: Nếu sai, chị xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tài liệu trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện đúng nội dung đó nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay được H đồng xét xử chấp nhận một phần lời đề nghị nêu trên.

[5] Xét lời đề nghị của các luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Viết T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về việc bản án sơ thẩm đưa Ủy ban nhân dân phường TL tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự là không chính xác. Theo luật tố tụng hình sự năm 2015 thì Ủy ban nhân dân phường TL tham gia tố tụng với tư cách là bị hại. Tuy nhiên, đại diện cho Ủy ban nhân dân phường TL không có ý kiến gì phần bồi thường cũng như phần hình phạt và để giải quyết dứt điểm vụ án nên xét thấy cấp phúc thẩm cần sửa tại tư cách tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân phường.

Về nội dung vụ án như đã phân tích ở phần trên không có căn cứ minh oan cho bị cáo. Về các nội dung khác Hội đồng xét xử đánh giá, xem xét theo quy định của pháp luật, không cần thiết hủy án sơ thẩm theo đề nghị của các luật sư.

[6] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Trong vụ án này còn có một số người có liên quan thực hiện việc giám sát công trình và ký vào hồ sơ quyết toán. Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị cơ quan điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8]. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b,c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Lương Quốc H; Không chấp nhận kháng cáo kêu oan về tội tham ô tài sản của bị cáo Võ Viết T1; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Võ Viết T1; Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 144 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội: Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 389/2018/HS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tuyên bố:

-Các bị cáo Lương Quốc H và Võ Viết T1 phạm hai tội: Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng và Tham ô tài sản.

-Đỗ Văn T3 phạm hai tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Tham ô tài sản

1. Áp dụng khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự 1999; điểm d Khoản 2 Điều 353; điểm b, v, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Lương Quốc H 6 (sáu) năm tù về tội Tham ô tài sản và 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Quốc H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 năm 3 tháng (bảy năm ba tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự 1999; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Võ Viết T1: 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 353; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Võ Viết T1 07 (bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Võ Viết T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS1999; d khoản 2 Điều 353; điểm b, t, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt: Đỗ Văn T3 01 (một) năm tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 04 (bốn) năm tù giam về tội Tham ô tài sản. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đỗ Văn T3 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ghi nhận việc bị cáo Võ Viết T1 tự nguyện nộp 10.000.000đ (mười triệu) đồng để khắc phục hậu quả tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo biên lai thu số 0001458 ngày 25/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí: các bị cáo Lương Quốc H và Võ Viết T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Công an T. Thái Nguyên;
- TAND TP Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Khánh Hồng